

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày (date) 30 tháng (month) 06 năm (year) 2025
Mã QGT: 0060A61A553D3A434A8E96FDE7D7978BD6

Ký hiệu (Serial No): 1C25TKC
Số (Invoice No): 42

Đơn vị bán hàng (Seller): TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT

Mã số thuế (Tax Code): 0100763608

Địa chỉ (Address): Phòng B1-2 Tầng 1 nhà B Đại học Mở Địa Chất, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02437523043

Email: tttcnkc1996@gmail.com

Website:

Số tài khoản (A/C No):

Tại (At):

Họ tên người mua hàng (Buyer): Vũ Anh Tuấn

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Mã số thuế (Tax code): 0101919181

Địa chỉ (Address): Tòa nhà B15 khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No): 000799888888 - Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long - PGD. Hoàng Mai - TP Hà Nội

STT (No.)	Tên hàng hóa dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Thực hiện phần công việc lập thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán Phương án khoan (trên mặt) năm 2025 phục vụ khai thác khu mỏ Lộ Trí - Công ty Than Thống Nhất - TKV theo hợp đồng số 01-20.1/2025/HĐ-KHĐT ngày 20/01/2025 và Biên bản nghiệm thu giá trị hoàn thành ngày 30/6/2025				132.471.932
Cộng tiền hàng (Subtotal):					132.471.932
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 10.597.755
Tổng cộng tiền thanh toán (Amount total):					143.069.687

Số tiền viết bằng chữ (In words): Một trăm bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng.

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature & fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature & fullname)

Signature Valid

Ký bởi: TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG
NGHỆ KHOÁNG CHẤT
Ký ngày: 30/06/2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 01-20.1/2025/HĐ-KHĐT

Về việc: Thực hiện phần công việc lập thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán
Phương án khoan (trên mặt) năm 2025 phục vụ khai thác khu mỏ Lộ Trí - Công ty
Than Thống Nhất - TKV

Căn cứ vào Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 của nước CHXHCN Việt Nam
ban hành ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật Thương mại được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt
Nam thông qua ngày 14/6/2005;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại Công ty Cổ phần Tin học, Công nghệ,
Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Đại diện : Ông Nguyễn Hoàng Huân Chức vụ: Phó Giám đốc

Giấy ủy quyền số 1946/UQ-VITE ngày 31/12/2024 của Giám đốc Công ty.

Địa chỉ : Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P Đại Kim, Q Hoàng Mai, TP Hà Nội

Điện thoại : 024.62842542 Fax: 024.62842546

Tài khoản : 000799888888 tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh
Thăng Long - PGD. Hoàng Mai - TP Hà Nội.

Mã số thuế : 0101919181.

BÊN B: TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT

Đại diện : Ông Tô Xuân Bản Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Phòng B1-2 thuộc Tầng 1, nhà B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, P.
Đức Thắng - Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội

Điện thoại : 024.752.3043 Fax:

Tài khoản số : 3100211000523 - tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông
thôn Huyện Từ Liêm - TP Hà Nội

Mã số thuế : 0100763608.

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với những điều khoản cụ thể sau:

Điều 1: Nội dung

Bên A đồng ý thuê và bên B đồng ý nhận Thực hiện phần công việc lập thiết kế
bản vẽ thi công - Dự toán Phương án khoan (trên mặt) năm 2025 phục vụ khai thác
khu mỏ Lộ Trí - Công ty Than Thống Nhất – TKV. bao gồm các nội dung sau:

- Lập bản vẽ: bản đồ bố trí công trình, mặt cắt địa chất, bình đồ đồng đẳng trụ
- Thuyết minh phương án thi công
- Lập dự toán thiết kế bản vẽ thi công

Điều 2: Thời gian, tiến độ thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và bên A bàn giao tài liệu cho bên B (không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt, nghiệm thu công trình).

Điều 3: Chất lượng và số lượng sản phẩm

Chất lượng sản phẩm: Công trình phải đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn quy định hiện hành.

Số lượng sản phẩm mỗi phần việc gồm: 01 bộ tài liệu + 01 file mềm (lưu trữ tại phòng địa chất).

Điều 4: Giá trị, loại, nghiệm thu, thanh toán hợp đồng:

4.1. Giá trị hợp đồng: **143.069.687 đồng** (đã bao gồm thuế GTGT)

(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi ba triệu, không trăm sáu mươi chín ngàn, sáu trăm tám mươi bảy đồng)

Bảng chi tiết giá hợp đồng

STT	Nội dung	Cách tính	Thành tiền (đồng)
1	Giá trị thi công phương án (GT _{TC})		17.950.126.266
2	Giá trị lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán	(2) = 0,9% x GT _{TC}	161.551.136
3	Giá trị thực hiện	(3) = (2) x 82%	132.471.932
	<i>Thuế GTGT (8%)</i>		10.597.755
	Giá trị Hợp đồng sau thuế		143.069.687

Giá trị thanh toán căn cứ vào khối lượng, giá trị thực tế thi công được hai bên nghiệm thu nhưng giá trị tối đa bằng giá hợp đồng.

+ Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tại thời điểm nghiệm thu, xuất hóa đơn thuế GTGT nếu chính sách thuế GTGT của Nhà nước có sự thay đổi tăng/giảm thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được hai bên điều chỉnh giá trị theo quy định mà không cần phải ký phụ lục Hợp đồng.

4.2. Loại hợp đồng: Đơn giá điều chỉnh

4.3. Nghiệm thu:

+ Căn cứ khối lượng, giá trị thi công được nghiệm thu theo từng giai đoạn, hai bên lập biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị công việc lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán.

+ Sau khi kết thúc công tác thi công phương án, căn cứ biên bản nghiệm thu hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng.

4.4. Thanh toán.

Thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 60 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Hồ sơ gồm:

- + Biên bản bàn giao tài liệu
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng; giá trị theo từng giai đoạn.
- + Biên bản thanh lý hợp đồng (đối với lần kết thúc thi công).
- + Hóa đơn GTGT theo quy định.
- + Giấy đề nghị thanh toán.
- + Các chứng từ, văn bản khác kèm theo (nếu có).

4.5. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

4.6. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

Điều 5: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp:

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những vấn đề vướng mắc hoặc tranh chấp, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên.

- Trường hợp thương lượng không thành thì tranh chấp được đưa ra Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng có hiệu lực thi hành đối với cả hai bên.

Điều 6: Bất khả kháng:

6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự việc xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lở đất, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm họa khác chưa lường hết được; sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

6.2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên chịu ảnh hưởng sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- + Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- + Thông báo cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.
- + Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình.

Điều 7. Thưởng, phạt vi phạm hợp đồng

- Thưởng hợp đồng: Không
- Phạt vi phạm hợp đồng: Trong trường hợp Bên B không hoàn thành đúng chất lượng sản phẩm theo yêu cầu quy định trong hợp đồng thì Bên B phải làm lại cho đúng và đủ theo yêu cầu của Bên A.

Điều 8: Tạm dừng, huỷ bỏ hợp đồng:

- 8.1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra;
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Các trường hợp khác do hai bên thảo luận.

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết. Trường hợp một bên tạm dừng mà không thông báo gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên bị thiệt hại.

Thời gian và mức độ đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thỏa thuận để khắc phục.

8.2. Huỷ bỏ hợp đồng:

+ Trường hợp Bên B thực hiện chậm tiến độ theo yêu cầu của Bên A sau khi Bên A đã gửi văn bản nhắc nhở lần 3 thì Bên A sẽ đơn phương huỷ bỏ hợp đồng. Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do Bên B gây ra kể cả phần làm chậm tiến độ.

+ Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

+ Bên huỷ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường.

- Trong trường hợp Bên B không hoàn thành đúng chất lượng sản phẩm theo yêu cầu quy định trong hợp đồng thì Bên B phải làm lại cho đúng và đủ theo quy định của Bên A.

Điều 9: Trách nhiệm của Bên B:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng đảm bảo tiến độ đã đề ra trong hợp đồng, đảm bảo chất lượng yêu cầu của Bên A, phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy trình, quy phạm chuyên ngành.

- Việc cung cấp, trao đổi, lưu trữ, sử dụng thông tin, dữ liệu phải tuân thủ quy định của pháp luật.

- Không được chuyển quyền sử dụng đối với thông tin, dữ liệu nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của bên A.

- Bồi thường thiệt hại cho Bên A khi cung cấp cho Bên A tài liệu sai, sử dụng các thông tin, tài liệu, quy chuẩn không phù hợp, mức đền bù thỏa thuận theo mức thiệt hại gây ra.

Điều 10: Trách nhiệm của Bên A:

- Cung cấp cho bên B hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công).

- Tạo điều kiện cho Bên B thực hiện công việc thuận lợi.

- Nghiệm thu, thanh toán hợp đồng sau khi công việc hoàn thành.

Điều 11: Điều khoản cam kết:

Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng.

Trường hợp phát sinh ngoài thoả thuận trên, hai bên sẽ ký phụ lục hợp đồng hoặc biên bản bổ sung. Các phụ lục và biên bản bổ sung (nếu có) là một phần của hợp đồng.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng được lập thành 06 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 04 bản, bên B giữ 03 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Phó Giám đốc



Nguyễn Hoàng Huân

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc

Tô Xuân Bản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG
Về việc thực hiện hợp đồng số 01-20.1/2025/HĐ-KHĐT ngày 20/01/2025

Hôm nay ngày tháng năm 2025, tại Văn phòng Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, sau khi xem xét tài liệu, chúng tôi thống nhất xác định khối lượng và chất lượng công việc nghiệm thu, cụ thể như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA NGHIỆM THU

BÊN A: Công ty Cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin

- Ông: Nguyễn Hoàng Huân Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ông: Vũ Anh Tuấn Chức vụ: TP. Địa chất
- Ông: Phạm Nguyên Minh Chức vụ: CNCT

BÊN B: Trung tâm triển khai công nghệ khoáng chất

- Ông: Tô Xuân Bản Chức vụ: Giám đốc

B. NỘI DUNG NGHIỆM THU

1. Những tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng số 01-20.1/2025/HĐ-KHĐT ngày 20/01/2025 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin và Trung tâm triển khai công nghệ Khoáng chất về việc thực hiện phần công việc lập thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán Phương án khoan (trên mặt) năm 2025 phục vụ khai thác khu mỏ Lộ Trí - Công ty Than Thống Nhất - TKV;
- Biên bản bàn giao tài liệu ngày 24/01/2025.

Sau khi kiểm tra, xem xét tài liệu, chúng tôi thống nhất nghiệm thu khối lượng công trình đã thực hiện.

2. Khối lượng nghiệm thu:

2.1. Khối lượng các hạng mục công việc hoàn thành:

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng		
			Theo hợp đồng	Thực hiện	Được nghiệm thu
1	Lập bản vẽ: Bản đồ bố trí công trình, mặt cắt, bình đồ, thiết kế kỹ thuật thi công lỗ khoan	Bản vẽ	14	14	14
2	Thuyết minh Phương án thi công	Quyển	01	01	01

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng		
			Theo hợp đồng	Thực hiện	Được nghiệm thu
3	Lập dự toán thiết kế bản vẽ thi công	Quyển	01	01	01

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ tài liệu + tài liệu số.

2.2. Đánh giá về chất lượng công trình:

Sau khi kiểm tra tài liệu hồ sơ bàn giao đã xác định: Các tài liệu do bên B thực hiện theo nội dung hợp đồng, đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Tiến độ thực hiện: Thực hiện đúng tiến độ theo yêu cầu của Bên A.

3. Kết luận

- Bên A đồng ý nghiệm thu khối lượng công việc do bên B thực hiện theo Hợp đồng số 01-20.1/2025/HĐ-KHĐT ngày 20/01/2025.

- Sau khi bên A được nghiệm thu khối lượng, giá trị thực hiện hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu giá trị để làm căn cứ thanh toán cho bên B.

Biên bản lập thành 06 bản, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

Tô Xuân Bản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2025

BIÊN BẢN NGHIỆM THU GIÁ TRỊ HOÀN THÀNH
Về việc thực hiện hợp đồng số 01-20.1/2025/HĐ-KHĐT ngày 20/01/2025

- Thời gian nghiệm thu: Ngày 30 tháng 06 năm 2025
- Địa điểm nghiệm thu: Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin

I. Căn cứ nghiệm thu

- Hợp đồng số 01-20.1/2025/HĐ-KHĐT ngày 20/01/2025 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin và Trung tâm triển khai công nghệ Khoáng chất về việc thực hiện phần công việc lập thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán Phương án khoan (trên mặt) năm 2025 phục vụ khai thác khu mỏ Lộ Trí - Công ty Than Thống Nhất - TKV;

- Biên bản nghiệm thu khối lượng ngày / /2025

II. Đối tượng nghiệm thu

Tài liệu thực hiện phần công việc lập thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán Phương án khoan (trên mặt) năm 2025 phục vụ khai thác khu mỏ Lộ Trí - Công ty Than Thống Nhất - TKV theo hợp đồng số 01-20.1/2025/HĐ-KHĐT ngày 20/01/2025 của Trung tâm triển khai công nghệ khoáng chất thực hiện.

III. Thành phần nghiệm thu

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

- | | |
|---------------------------|-------------------------|
| - Ông Nguyễn Hoàng Huân | Chức vụ: Phó Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Trường Chinh | Chức vụ: Kế toán trưởng |
| - Ông Nguyễn Văn Minh | Chức vụ: TP. KHĐT |
| - Ông Vũ Anh Tuấn | Chức vụ: TP. Địa chất |
| - Ông: Phạm Nguyên Minh | Chức vụ: CNCT |

BÊN B: TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT

- | | |
|--------------------|-------------------|
| - Ông: Tô Xuân Bản | Chức vụ: Giám đốc |
|--------------------|-------------------|

IV. Nội dung nghiệm thu

4.1 Về khối lượng, chất lượng

- Khối lượng các hạng mục công việc hoàn thành: Bên B đã hoàn thành thực hiện phần công việc lập thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán Phương án khoan (trên mặt) năm 2025 phục vụ khai thác khu mỏ Lộ Trí - Công ty Than Thống Nhất - TKV theo hợp đồng số 01-20.1/2025/HĐ-KHĐT ngày 20/01/2025.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ tài liệu + tài liệu số.

- Chất lượng hồ sơ: Đảm bảo theo quy định hiện hành
- Tiến độ thực hiện: Thực hiện đúng tiến độ theo yêu cầu của Bên A.

4.2 Về giá trị

- Giá trị hợp đồng: 143.069.687 đồng (đã bao gồm VAT)
- Giá trị thực hiện: 149.379.466 đồng (đã bao gồm VAT)
- Giá trị nghiệm thu: Căn cứ điều khoản 4.1 thuộc điều 4 của hợp đồng hai bên thống nhất giá trị nghiệm thu là: 143.069.687 đồng (đã bao gồm VAT)
(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi ba triệu, không trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm tám mươi bảy đồng).

Chi tiết tại phụ lục kèm theo.

V. Kết luận

- Bên A đồng ý nghiệm thu giá trị hoàn thành do bên B thực hiện theo Hợp đồng số 01-20.1/2025/HĐ-KHĐT ngày 20/01/2025.

Biên bản lập thành 06 bản, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

Tô Xuân Bản

Phụ lục 01: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ THỰC HIỆN
(Kèm theo Biên bản nghiệm thu giá trị hoàn thành ngày 30 tháng 06 năm 2025)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung công việc	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị theo Hợp đồng	Giá trị thực hiện	Giá trị nghiệm thu
I	Chi phí trực tiếp	T	$T=VL+NC+M$	14.502.255.747	15.106.634.978	15.106.634.978
1	Chi phí vật liệu	VL	Theo chi tiết	6.225.912.796	6.363.153.164	6.363.153.164
2	Chi phí nhân công	NC	$NC=NCo+NC_{TT}$	7.524.561.389	8.021.872.106	8.021.872.106
	Nhân công theo đơn giá	NCo	Theo chi tiết	7.524.561.389	8.021.872.106	8.021.872.106
	Chi phí nhân công tăng, giảm (nếu có)	NC _{TT}	Theo chi tiết			
3	Chi phí máy thi công	M	Theo chi tiết	751.781.562	721.609.708	721.609.708
II	Chi phí chung	C	$C=Co+C_T$	3.487.220.421	3.635.142.814	3.635.142.814
	Chi phí chung theo đơn giá	Co	Theo chi tiết	3.487.220.421	3.635.142.814	3.635.142.814
	Chi phí chung tăng, giảm (nếu có)	C _T	$C_T=NC_{TT} \times (C_o/T)$			
	Giá trị lập phương án thi công (TKBVTC)		$(T+C) \times 0,9\%$	161.551.136	168.676.000	161.551.136
	Tỷ lệ thực hiện			82%	82%	82%
	Giá trị thực hiện			132 471 932	138 314 320	132 471 932
	Thuế GTGT (8%)			10 597 755	11 065 146	10 597 755
	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN SAU THUẾ			143 069 687	149 379 466	143 069 687

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu giá trị hoàn thành ngày 30 tháng 06 năm 2025)

CHI PHÍ PHÁT SINH KHÁC

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN CÁC LỖ KHOAN
(Kèm theo Biên bản nghiệm thu giá trị hoàn thành ngày 30 tháng 06 năm 2025)

TT	Mã số	Nội dung công việc	ĐVT	Tên lỗ khoan					Tổng cộng
				KTN3 CSDK: 550 0÷537,6kt	KTN4 CSDK: 670 0÷683kt	KTN5 CSDK: 560 0÷559kt	KTN6 CSDK: 555 0÷555kt	KTN7 CSDK: 615 0÷615kt	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6=1+...+5
A		THI CÔNG PHƯƠNG ÁN							
1		Công tác trắc địa							
	G.200330	Lập lưới giải tích 3 và giao hội tương đương (KK loại III)	Điểm	1	1	1	1	1	5
	G.113310	Đưa công trình chủ yếu từ thiết kế ra thực địa (KK loại III)	Điểm	1	1	1	1	1	5
	G.114310	Đo công trình chủ yếu và đưa vào bản đồ (KK loại III)	Điểm	1	1	1	1	1	5
2		Công tác địa vật lý vùng Cẩm Phả		537,0	682,0	558,0	554,0	614,0	2.945,0
	F.710040	Khu mỏ Cẩm Phả - Lỗ khoan sâu trung bình 500-600m	m	537,0	682,0	558,0	554,0	614,0	2.945,0
3		Công tác khoan máy		537,6	683,0	559,0	555,0	615,0	2.949,6
		<i>Khoan lấy mẫu địa chất bình thường</i>							
	B.111006	Chiều sâu LK từ 0 đến 600m	m	163,1		508,0	311,8		982,9
	B.111007	Chiều sâu LK từ 0 đến 700m	m		623,0			280,0	903,0
		<i>Khoan địa chất qua lò</i>							
	B.118006	Chiều sâu LK từ 0 đến 600m	m	255,5			169,2		424,7
	B.118007	Chiều sâu LK từ 0 đến 700m	m					238,0	238,0
		<i>Khoan địa chất qua bãi thải (Khoan phá mẫu HS.0,8)</i>							
	B.118006	Chiều sâu LK từ 0 đến 600m	m	119,0		51,0	74,0		244,0
	B.118007	Chiều sâu LK từ 0 đến 700m	m		60,0			97,0	157,0
		Lắp lỗ khoan (kết cấu trong đơn giá)							
4		Công tác lấy và gia công mẫu							
	A.514110	Lấy mẫu khoan than và đá kẹp I-IV	mmẫu	66,62	40,65	63,74	64,84	72,46	308,31
	A.514112	Lấy mẫu lõi khoan cơ lý đá VIII-X	mmẫu	5,2	10,6	3,0	4,8	10,4	34,0
	E.412221	Lấy mẫu khí trong khi khoan	mẫu	9	8	5	6	12	40
	D.111150	Gia công mẫu than và đá kẹp	mẫu	110	69	84	96	111	470
	D.111240	Gia công mẫu cơ lý đá	mẫu	26	53	15	24	52	170
5		Công tác phân tích mẫu		145,0	130,0	104,0	126,0	175,0	680
	D.221712	Phân tích hóa học than (7 chỉ tiêu)	Yêu cầu	110	69	84	96	111	470
	D.262200	Phân tích mẫu cơ lý đá (6 chỉ tiêu D.262201+03+04+06+08+10)	Yêu cầu	26	53	15	24	52	170
	D.234020	Phân tích mẫu khí định lượng	mẫu	9	8	5	6	12	40
B		CÁC CÔNG TRÌNH TẠM THỜI PHỤC VỤ THI CÔNG							
	B.311030	Làm nền khoan sâu từ 0 đến 700m (ĐH núi cao trên 300m)	nền	1	1	1		1	4
	B.312030	Làm nền khoan sâu từ 0 đến 700m (ĐH núi cao dưới 300m)	nền				1		1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
.....o0o.....

BIÊN BẢN THANH LÝ
Hợp đồng số 04-26.2/2025/HĐ-KHĐT ngày 26/04/2025

- Căn cứ Hợp đồng số 01-20.1/2025/HĐ-KHĐT ngày 20/01/2025 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin và Trung tâm triển khai công nghệ Khoáng chất về việc thực hiện phần công việc lập thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán Phương án khoan (trên mặt) năm 2025 phục vụ khai thác khu mỏ Lộ Trí - Công ty Than Thống Nhất - TKV;

- Căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị hoàn thành ngày 30/6/2025.

Hôm nay, ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Đại diện : Ông Nguyễn Hoàng Huân Chức vụ: Phó Giám đốc

Giấy ủy quyền số 1946/UQ-VITE ngày 31/12/2024 của Giám đốc Công ty.

Địa chỉ : Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P Đại Kim, Q Hoàng Mai, TP Hà Nội

Điện thoại : 024.62842542 Fax: 024.62842546

Tài khoản : 000799888888 tại Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long - PGD. Hoàng Mai - TP Hà Nội

Mã số thuế : 0101919181.

BÊN B: TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT

Đại diện : Ông Tô Xuân Bản Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Phòng B1-2 thuộc Tầng 1, nhà B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, P. Đức Thắng - Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội

Điện thoại : 024.752.3043 Fax:

Tài khoản số : 3100211000523 - tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Từ Liêm - TP Hà Nội

Mã số thuế : 0100763608.

Hai bên cùng nhau thống nhất nghiệm thu thanh lý hợp đồng số 01-20.1/2025/HĐ-KHĐT ngày 20/01/2025 với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung công việc và khối lượng thực hiện:

Bên B đã hoàn thành thực hiện phần công việc lập thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán Phương án khoan (trên mặt) năm 2025 phục vụ khai thác khu mỏ Lộ Trí - Công ty

Than Thống Nhất - TKV theo đúng các nội dung và khối lượng thuộc hợp đồng số 01-20.1/2025/HĐ-KHĐT ngày 20/01/2025.

- Bên B đã bàn giao đầy đủ tài liệu theo hợp đồng cho Bên A.

- Hồ sơ đã được bên A nghiệm thu theo biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị hoàn thành ngày 30/6/2025.

Điều 2. Giá trị thanh lý hợp đồng:

- Giá trị theo hợp đồng: 143.069.687 đồng (đã bao gồm VAT 8%)

- Giá trị thực hiện: 143.069.687 đồng (đã bao gồm VAT 8%)

- Giá trị đã thanh toán: 0 đồng

- Giá trị còn lại phải thanh toán: 143.069.687 đồng

(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi ba triệu, không trăm sáu mươi chín ngàn, sáu trăm tám mươi bảy đồng).

Điều 3. Điều khoản chung

- Hai bên thống nhất các nội dung theo biên bản thanh lý hợp đồng này.

- Bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị cho Bên B trong vòng 60 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng, Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B.

Biên bản thanh lý này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản làm cơ sở thanh toán.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

Tô Xuân Bản